TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 01- 3-2018
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Quốc Sang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là ngân hàng S).

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường m, quận n, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Huy K, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Hải Đ, Chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP S – Chi nhánh tỉnh Kiên Giang. (Theo văn bản ủy quyền số 47/2017/GUQ-PL&TT ngày 03/01/2017).

Địa chỉ: 279-281-283- 285 T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Trần Văn D, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch M. (Theo văn bản ủy quyền số 516/GUQ-CNKG ngày 04 tháng 5 năm 2017). (Có mặt).

Địa chỉ: Số 30 quốc lộ e, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Trương Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1986;

3.2 Anh Lê Tuấn E, sinh năm 1990;

3.3 Anh Lê Minh H, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Đông Y, huyện A, tỉnh Kiên. Giang.

(Các đương sự Lê Văn Đ, Trương Thị H, Lê Tuấn A, Lê Tuấn Evà Lê Minh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/2/2017 và quá trình làm việc tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay vốn số LD 1525800263 ký ngày 15/9/2015 và giấy nhận nợ số 01 ký ngày 16/09/2015 giữa Ngân hàng S chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch M với ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H, theo đó Ngân hàng S chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch M có cấp tín dụng cho ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H vay vốn với các điều khoản chi tiết như sau: Số tiền vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), lãi suất vay là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng (Lãi 03 tháng trả một lần và gốc trả cuối kỳ), thời hạn trả nợ là ngày 16/9/2016, các bên còn thỏa thuận phạt chậm trả lãi.

Tài sản bảo đảm thế chấp cho món vay là: Đất ở nông thôn diện tích 72,5 m^2, thửa đất số: 31009.07.362-F, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 982535 do UBND huyện A cấp ngày 13/06/2009 cho hộ ông Lê Văn Đ.

Từ ngày giải ngân đầu tiên ông Lê Văn Đ đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền lãi 7.007.000 đồng (Bảy triệu không trăm linh bảy nghìn), đến ngày 17/9/2016 thì ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H không thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng S. Tính đến ngày 14/4/2017 ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H còn nợ cả gốc và lãi là 75.983.000 đồng.

Nay Ngân hàng S yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H phải trả số tiền nợ là 93.494.460 đồng (Gồm: nợ vốn gốc là 70.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 01/3/2018 gồm lãi trong hạn 15.990.333 đồng, lãi quá hạn là 6.814.500 đồng và lãi phạt là 689.627 đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng LD 1525800263 ký ngày 15/9/2015 từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thanh toán xong nợ; trường hợp ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H không trả được số nợ trên thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Văn Đ theo hợp đồng tín dụng đã ký để thanh toán nợ cho Ngân hàng S.

Bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Tuấn A, anh Lê Tuấn E, anh Lê Minh H vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là toàn bộ hồ sơ vay vốn, gồm: Hợp đồng cho vay; Giấy nhận nợ; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtcủa hộ ông Lê Văn Đ; Biên bản họp gia tộc ông Lê Văn Đ; Giấy chứng minh nhân dân của ông Đ và bà H, Sổ hộ khẩu gia đình bà Trương Thị H (tất cả đều là là bản phô tô có xác nhận).

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng. Riêng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn thanh toán nợ vay từ hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cho vay vốn số LD 1525800263 ký ngày 15/9/2015 được ký kết trên tinh thần tự nguyện; hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng được lập thành văn bản, được chứng thực. Do đó hợp đồng này là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, các bên có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng S đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân cho ông Đ và bà H vay số tiền 70.000.000 đồng, việc giải ngân được thể hiện tại giấy nhận nợ lập ngày 16/9/2015 có chữ ký của ông Đ và bà H xác nhận đã nhận số tiền vay là 70.000.000 đồng. Sau khi vay vốn ông Đ và bà H chỉ trả nợ được 7.007.000 đồng và sau đó không thực hiện nghĩa vụ khi đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã vi phạm quy định tại khoản 4 của hợp đồng tín dụng số LD 1525800263 ký ngày

15/9/2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Trong hợp đồng tín dụng hợp đồng số LD 1525800263 ký ngày 15/9/2015 thể hiện bên vay là ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H, vì vậy cần buộc ông Đ và bà H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền 93.494.461 đồng (tính đến ngày 01/3/2018), trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi là 23.494.460 và tiếp tục phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng từ ngày 01/3/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Đ và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02996330101 lập ngày 15/9/2015 giữa Ngân hàng S với ông ông Đ và bà H, nhận thấy tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 72,5 m^2 tại thửa 31009.07.362-F tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp X, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 982535 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông Lê Văn Đ vào ngày 13/6/2009 là tài sản chung của hộ gia đình ông Lê Văn Đ, tất cả các thành viên trong hộ gồm ông ông Lê Văn Đ, bà Trương Thị H, anh Lê Tuấn A, anh Lê Tuấn E, và anh Lê Minh H đều thống nhất thế chấp tài sản chung của gia đình để bảo đảm nợ vay của ông ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H; hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản có chứng thực và đã đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 323 Bộ luật dân sự.

Vì vậy, trong trường hợp ông Đ và bà H không thanh toán được nợ cho Ngân hàng S hàng S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được chấp nhận, buộc ông Đ và bà H phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là: 93.494.460 đồng x 5% = 4.674.723 đồng.

Hoàn trả cho ngân hàng S số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 1.899.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007064 ngày 17/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 299, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Các điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2. Buộc ông Lê Văn Đ bà Trương Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi là 93.494.460 đồng (Chín mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng), trong đó vốn gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 01/3/2018 là 23.494.460 đồng (Hai mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng) gồm lãi trong hạn 15.990.333 đồng, lãi quá hạn 6.814.500 đồng và lãi phạt là 689.627 đồng đồng thời tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng LD 1525800263 ký ngày 15/9/2015 từ ngày 01/3/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H trả hết số nợ Ngân hàng S có trách nhiệm giao trả lại cho ông Lê Văn Đ và bà Trương Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 982535 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông Lê Văn Đ vào ngày 13/6/2009.

Trong trường hợp ông Lê Văn Đ bà Trương Thị H không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì phía Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện A phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 72,5 m^2 tại thửa 31009.07.362-F tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp X, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 982535 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông Lê Văn Đ vào ngày 13/6/2009.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn Đ bà Trương Thị H nộp án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 93.494.460đồng x 5% = 4.674.723 đồng làm tròn số 4.675.000 (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.899.000 đồng (Một triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007064 ngày 17/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

4. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 01/3/2018. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:
- *TAT;*
- *VKS An Biên;*
- *THADS;*
- *Các đương sự;*

- Lưu Hồ sơ.

Đinh Thị Thơm